

Nguyễn Văn Sâm

Giới thiệu một bản văn lục bát xưa nhất nói về Sài Gòn:

Kim Gia Định Phong Cảnh Vịnh

今嘉定風景咏

Sài Gòn xưa ra sao, khi người Pháp đến thì nó như thế nào, đó là những câu hỏi của người yêu mến Sài Gòn, muốn biết phần nào hình dạng và sinh hoạt của thành phố này. Ta có thể thấy những chuyện này trong những bài nói về Gia Định. Nhưng...

Lâu nay chúng ta nghe nói tới hai bài văn *Cổ Gia Định Phong Cảnh Vịnh* và *Kim Gia Định Phong Cảnh Vịnh* mà ít ai thấy được mặt bài *thứ hai* mặc dầu bài *thứ nhất* đã được phổ biến nhiều, nói chi chuyện biết được tác giả là ai. Các sách viết về Trương Vĩnh Ký thường ghi danh sách một dọc dài các tác phẩm của Trương Vĩnh Ký một cách mơ hồ rằng *tác phẩm của ông gồm: ...Kim Gia Định Phong Cảnh Vịnh...* Thật ra *Kim Gia Định Phong Cảnh Vịnh* là một trong nhiều bản văn **do ông phiên âm từ chữ Nôm ra quốc ngữ**. Ông *không phải là người sáng tác* mà chỉ là người có công chuyển âm từ **chữ Nôm** -- là loại chữ xưa đã gần như hết dùng ở thời ông -- ra **chữ quốc ngữ** là loại chữ trên đã được thông dụng. Do đó, để cho công bình và chính xác, khi liệt kê các tác phẩm của Trương Vĩnh Ký, những bài văn do ông chuyển ngữ phải được nói ra rõ ràng để người đọc biết rằng công trình ở loại này *chỉ là chuyển ngữ, giới thiệu, phiên âm*, một công trình mang tính cách phổ biến văn hóa chứ không phải là công trình mang tính cách tư tưởng.

Về *Kim Gia Định Phong Cảnh Vịnh*, cũng như những công trình tương tự, trên bìa sách ông Trương Vĩnh Ký đã ghi lại rõ ràng: *chép ra chữ quốc ngữ và dẫn giải*. Đó là một sự thành thật tri thức mà ta phải công nhận và khâm phục ở thời mà tên tác giả gần như không cần dính theo tên tác phẩm, cho nên làm việc liên quan đến tác phẩm của người khác thì càng nhập nha nhập nhằng hơn nữa. Tiếc rằng do sự thiếu thốn tài liệu, do không thấy được bản in của Trương Vĩnh Ký xuất bản, người đời chép theo nhau, lập đi lập lại một cách mơ hồ, sai lầm, nên có sự không rõ ràng khiến nhiều thế hệ sau cứ tưởng rằng một số tác phẩm **không phải của Trương Vĩnh Ký** là của Trương Vĩnh Ký, trong khi thật ra chúng là đứa con tinh thần của người khác mà người đời biết tên hay không.

May mắn thay về *Kim Gia Định Vịnh* ta có tên tác giả. Hãy đọc lời giới thiệu của Trương Vĩnh Ký năm 1882:

'Diệu vịnh này là của hai Đức ở Chợ-lớn, hiệu là Tập-phước, mới mất năm nay, làm về địa-cảnh đất Chợ-lớn, Bến-nghe đời bây-giờ, kể từ Phú-lang-sa lại cho tới nay, lập ra thế nào, khen khéo-để sửa-sang, cho ra cảnh tốt, cho nên thú vui.

Văn đặt thành thật, lời nói dễ hiểu; cũng nên in ra để đời cho người-ta coi, cùng để lại người đời sau cho biết đời nay đất này là như-vậy, hoặc sau sẽ ra tốt hơn nữa chăng? dẫu cuộc đời-dời còn có hóa nên vực, vực có hóa nên còn đi nữa, thì cũng hãy-còn tích lại mà nhắc.'

Nhờ Trương Vĩnh Ký ta biết được tác giả bài văn trên tên là Đức, không biết họ, chỉ biết ông là con đầu lòng của một gia đình (thứ hai), ông mất năm 1882 sau khi người Pháp

đến không lâu, đã sống một thời gian dài trước đó nên chứng kiến được cảnh đổi thay của Sài Gòn. Ông có *tên hiệu* là Tập Phước, tiếc là ta không được Trương Vĩnh Ký hay bất cứ ai khác giới thiệu nhiều hơn về tác giả này.

Một câu trong bài văn cho ta biết năm sáng tác: *Hai mươi năm đã rõ ràng cuộc vui*. Người Pháp lần chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ 1862, hai mươi năm sau tức là 1882. Vậy bản văn được viết vào năm 1882, năm đó cũng là năm tác giả qui tiên.

Kim Gia Định Phong Cảnh Vinh nói về những điều mà người dân lúc đó lạ lẫm: giây thép, tàu chạy dưới sông, xe *hủ lô* làm đường, máy làm nước đá, sông đào, cầu xây, nhà thương, trường học nội trú, trung tâm huấn luyện quân sự, toà án, sở thú...

Một chi tiết xem chừng là quan trọng: Sài Gòn Chợ-lớn được tạo dựng ở chỗ đất nào:

Sửa sang địa thế tập tành dân phong.
Bình Dương với huyện Tân-long,
Đặt làm thành phố chỗ trong chỗ ngoài¹.
Sài-gòn Chợ-lớn chia hai,
Tên thì có khác, đất thì cũng liền².
Dưới sông tàu lửa đậu liền,

Vậy thì chắc chắn là Chợ-Lớn tách ra khỏi Sài Gòn khi người Pháp đến, và địa phận Sài Gòn Chợ-lớn nằm trong hai huyện cũ Bình-Dương và Tân-Long của Gia Định được cải tổ, xây dựng thêm.

Bài văn ngoài ưu điểm ghi lại được hình ảnh Sài Gòn khi mới bắt đầu chuyển mình, có một vết đen khó chịu cho lòng yêu nước của người đọc là những lời ca tụng về sự khôn khéo, mạnh mẽ, văn minh của người Pháp, một điều có thể là cần thiết lúc đó để bài văn được lưu truyền và tác giả được bình yên, nhưng rất xốn xang trong con mắt của chúng ta ngày nay trong tinh thần tự ái dân tộc. Chuyện ca tụng Pháp như thế này ta cũng thấy chút đỉnh trong bài thơ dài Thơ Nam Kỳ mà M. D. Chaigneau³ giới thiệu và dịch ra Pháp văn năm 1876, cũng như trong vài tác phẩm khác như Thơ Năm Ty, Khám Lớn thơ và nhất là trong các báo ở thời mà sự đồ hộ đã được xây dựng vững chắc, người dân người dân sống trong vòng kiểm tỏa của tân trào....

Điều đáng tiếc nhất là ông Trương Vĩnh Ký khi phiên âm và giới thiệu đã không cho in bản Nôm đi kèm, chắc chắn rằng đó là bản chép tay, để chúng ta đời sau có thể rà soát lại phần phiên âm, hầu chỉnh lý để đi đến một bản văn chính xác của tác giả trong trường hợp phiên giả đọc chưa chính xác. Có lẽ ông Trương Vĩnh Ký lúc đó nghĩ rằng cái thứ chữ đang xuống dốc đó nên quên đi, bây giờ học giới muốn kiểm chứng lại bản phiên âm của ông cũng không được, muốn nghiên cứu chữ Nôm cuối thế kỷ 19 cũng thiếu mất một tài liệu đáng lẽ đã có.

Thiệt là đáng tiếc, đáng tiếc.

Thôi còn lại chút nào ta biết chút đó, ít ra là bộ mặt vừa mới xây dựng của Sài Gòn xưa.

NVS

¹ Đất của Hai huyện Bình Dương và Tân Long được cải tạo thành thành phố Sài Gòn. Tôn Thọ Tường sanh ở huyện Bình Dương tức là ông sanh ngay tại Sài Gòn bây giờ, chứ không phải Bình Dương bây giờ.

² Liền: nối tiếp nhau, liền nhau.

³ Ông Chaigneau Đức này cha Pháp mẹ Việt, lúc nhỏ thường vào chơi trong cung đình, vua Gia Long rất thương. Khi lớn lên ông về Pháp và ở luôn bên đó.

Gia Định Phong Cảnh Vịnh

Công dư⁴ đương lúc thành thời,
Nhìn trông phong cảnh đặt lời nô nã.
Dờ dang việc trước kể ra,
Thấy tay những khách phương xa nghe cùng.
Đổi dời là máy hóa công,
Mở đường tang hải kết vòng phiến hoa⁵.
Vận trời năm thứ mười ba,
Việt-Nam cùng Phú-lang-sa giao hòa.
Riêng chia sáu tỉnh sơn-hà,
Định-tường, Gia-định, Biên-hòa, Vĩnh-Long.
An-Giang tỉnh sắp vô trong,
Đến Hà-Tiên tỉnh giáp vòng Cao-Mên.
Bãi binh hai chữ chiếu vàng⁶,
Sông êm Bến Nghé khói tan Đầm Ròng.
Hết ai xưng bá xưng hùng⁷,
Tháp-Mười đồn phá, Gò-Công lũy bằng⁸.
Lệnh trời một tiếng đã rằng,
Hoàng triều đóng ấn, đình thần ký tên.
Người giao người lãnh thuận tình,
Mấy điều nghị ước đôi bên như lời.
Quan quân rày dựng thành thời,
Lấp đàng hờn giận, kết người anh em⁹.
Muôn dân nệm ấm gối êm,
Khỏi điều lưu-lạc lại thêm sum vầy.
Xưa Nam nay đã về Tây,
Lang-sa ngươn soái một tay quờn hoành.
Gồm coi thủy lục chư dinh,
Một mình khiển tướng một mình đề binh.
Ngồi trên cầm mực công bình,
Sửa sang địa thế tập tành dân phong.
Bình-dương với huyện Tân-long,
Đặt làm thành phố chỗ trong chỗ ngoài.
Sài-gòn Chợ-lớn chia hai,
Tên thì có khác, đất thì cũng liền.
Dưới sông tàu lửa¹⁰ đậu liền,
Từ đồn Giao-khẩu sắp lên Bà-nghè¹¹.

⁴ Lúc làm việc hành chánh. Có thể là ông Hai Đức làm việc bàn giấy cho chánh quyền mới.

⁵ Phiến hoa, hay phồn hoa là nơi đô hội.

⁶ Triều đình ra lệnh không ai được nổi dậy chống Pháp nữa.

⁷ Chữ này cho thấy cái nhìn của tác giả hơi hạn hẹp. Dầu sao đó là quan điểm riêng của ông.

⁸ Chỉ Thiên Hộ Dương và Trương Định đã bị Pháp đánh tan.

⁹ Pháp Việt bây giờ thuận hòa trong tình bảo hộ và được bảo hộ!

¹⁰ Xưa nói tàu lửa, xe lửa, một thứ ở dưới nước một thứ trên đất liền. Nay tàu lửa được nói gọn trở thành tàu. Xe lửa còn được gọi là tàu hỏa. Đậu liền: đậu tiếp nối nhau, tôi nghĩ có thể là đậu lênh, tức đậu thiệt là nhiều. Ca dao: .. *Muối kêu như sáo thổi, đĩa lênh như bánh canh*.. Thiếu bản Nôm nên chịu, chữ đậu lênh chỉ còn là một nhận xét cho vui thôi.

¹¹ Không hiểu từ bao giờ địa danh Bà-nghè bị đổi thành Thị Nghè nghe không đúng. Chúng ta có Bà Chiểu, Bà Quẹo, Bà Đen sao lại là Thị Nghè, Thị Vãi!

Thông lưu các nước bộn bề,
 Có tàu Đông-việt¹² có ghe Bắc-kỳ.
 Bán buôn vật nọ hàng kia,
 Lao-xao thương-khách xiết gì là đông.
 Chiếc qua chiếc lại đầy sông,
 Mù-mù khói tỏa, ùng-ùng mây kêu.
 Những tàu đồng dát sắt neo,
 Càng nhìn tận mặt càng xiêu cả hồn¹³.
 Sợ chi nghịch thủy nghịch phong.
 Dầu lòng chạy ngược dầu lòng chạy xuôi¹⁴.
 Dưới sông sự tích thủy rồi,
 Thôi thì trót thể thử coi trên bờ,
 Gia-tân nền trạm thuở xưa,
 Ngày nay có dựng cột cờ gần bên.
 Tư bề dây-thép giăng lên,
 Lưu-thông các thứ báo tin truyền lời,
 Đàng xa ba bốn ngày trời,
 Máy dây¹⁵ đi một khúc thời tới nơi,
 Chuyện trò mấy tiếng mấy lời,
 Hấn-hòi nào có vi sơ chút nào,
 Cánh chim bay hãy còn lâu,
 Máy này sức mạnh quá mau dư mùi.
 Nhiều nơi cơ-xảo khác đời,
 Gãm điều nên lạ, gãm điều nên hay.
 Những là máy để cưa cây,
 Máy xay lúa gạo, máy may áo quần.
 Máy đàng, máy tuyết lạ chừng¹⁶,
 Dễ coi trước mặt, khó phân ra lời.
 Từ đây biết sức biết tài,
 Nhiều tay khôn khéo nhiều người giàu sang.
 Cửa kho xuất phát bạc vàng,
 Lập ra trại lính dinh quan thiếu gì.
 Có tòa Ngươn-soái lạ-kì,
 Đá xây làm cột sắt vây làm rào.
 Năm tầng lầu rộng lại cao¹⁷,
 Cờ treo trước cửa quân hầu ngoài sân.
 Rõ ràng có chất có văn,
 Biết chừng nào tốt, biết chừng nào khen¹⁸.
 Giá dư trăm vạn trăm ngàn,
 Công phu mà sợ bạc tiền mà kinh.
 Tam-tòa lập sở công hình,
 Để phân tội trọng tội khinh cho người.

¹² Tàu Đông-việt tức tàu từ Quảng Châu qua.

¹³ Thấy tàu lớn mà kinh hồn cho tự tài trí.

¹⁴ Tàu lớn nên mặc sức chạy không sợ sóng to gió lớn. Dầu lòng: mặc sức, muốn sao cũng được.

¹⁵ Máy dây: đường dây điện thoại.

¹⁶ Máy đàng: máy làm đường, tức xe hủ lô. Máy tuyết: máy nước đá.

¹⁷ Thấy tòa nhà 5 tầng cho là ghê lắm, ngạc nhiên quá sức.

¹⁸ Tốt đẹp không biết sao mà nói, khen không biết sao cho hết lời.

Thượng tòa phúc án các nơi,
 Những người kêu úc, những người kêu oan.
 Có người mi phạm cấm giam,
 Ngục môn là chữ, khám đường là tên.
 Có nhà nuôi kẻ tật nguyên,
 Thuốc thang cho uống, cơm tiền cho ăn.
 Có nhà dạy học thơ-văn,
 Chiều giường sẵn cấp, áo quần sẵn ban¹⁹.
 Có người phòng-ngự loài gian,
 Ngày đêm đi khắp các làng tuần-canh.
 Áo đen tay có viền xanh²⁰,
 Tiếng kêu Police, Giám-thành là tên.
 Có trường bắn súng diễn binh,
 Tập-luyện nhiều cách, công-trình nhiều năm²¹.
 Có vườn nuôi thú nuôi cầm,
 Mấy ngàn thảo mộc, mấy trăm phi-trùng²²,
 Có trường đấu-xảo lạ-lùng,
 Chư-ban đủ món, bá-công đủ nghề.
 Những đồ các nước thiếu chi,
 Vật khen trọng-thường, vật chê phát-hồi.
 Dập-dìu kẻ tới người lui,
 Bên coi thứ nọ, bên coi thứ này.
 Biết bao nhiêu khéo nhiều hay!
 Cuộc vui kẻ trót thảng chầy mới thôi²³.
 Trường đua xe ngựa cũng vui,
 Hơn thì có thưởng, thua lui ra về.
 Xa gần đất chợ làng quê,
 Cùng nhau đem ngựa đem xe đến tràng.
 Cười-cười nói-nói vang đàn,
 Kể sao cho xiết muôn ngàn người đông.
 Chẳng phiền hao của tốn công,
 Mở đàn ngang dọc đào sông vấn dài.
 Đàn thi đã rộng lại ngay,
 Trên đầu che mát có cây hai hàng.
 Mỗi sông có bắt cầu ngang,
 Đá xây bốn phía sắt ràng hai bên,
 Mỗi đàn tối có tháp đèn,
 Dưới sông trên bộ sáng liền nối nhau.
 Năm canh rục rỡ một màu,
 Như trăng chói đất, như sao lòa trời.
 Biết bao nhiêu thú chơi bời²⁴,
 Những nơi hí viện, những nơi tửu lầu.
 Phong lưu lắm thú phong lưu,
 Ngồi coi cỡi ngựa mặc dầu ý ai.

¹⁹ Trường nội trú cung cấp quần áo và chỗ ngủ.

²⁰ Tức cảnh sát trước 1975 sau đó được gọi là công an.

²¹ Trung tâm huấn luyện.

²² Tây qua mới lập Sở Thú, còn cho tới ngày nay.

²³ Cuộc triển lãm quốc tế kéo dài cả tháng.

²⁴ Chữ *chơi bời* xưa chỉ có nghĩa là vui chơi, thưởng thức, không có nghĩa xẩy xa như gần đây.

Thiếu chi gái sắc trai tài,
Áo quần rực rỡ hớn hài xuê-xoang.
Phổ phường tòa dọc dải ngang,
Có hàng đồ Bắc, có hàng đồ Nam.
Bán buôn tiền vạn bạc ngàn,
Nhộn-nhàng khiêng gánh lằng xằng ra vào.
Đêm thì tiệc khách lao-xao,
Đưa rao *ngưu nại*²⁵, đưa ra *hạnh trà*²⁶.
Đưa thì cháo vịt cháo gà,
Cùng là *công bình*²⁷, cùng là *hoa sanh*²⁸.
Những là *đậu chúc*²⁹, *liên canh*³⁰,
Sa-lê quả-tử, ngồi quanh các đàng.
Đèn chong ghế sắp hai hàng,
Để mê con mắt, để hoang tâm tình.
Dầu không ví cảnh Bồng-dinh³¹,
Cũng là thứ nhứt các thành cõi Nam.
Chẳng tiên song cũng khác phàm,
Ai gây mà đặng ai làm mà ra?
Non sông lục tỉnh nước ta,
Xưa là thế ấy, nay ra thế này.
Tu bồi đã lắm công dày,
Trên là Nguơn-soái, dưới thì các quan³².
Cũng vì khéo tính khéo toan,
Hai mươi năm đã rõ ràng cuộc vui.
Gần đây trước mắt thấy rồi,
Gởi lời hỏi với những người phương xa.
Hắn hỏi sự thật kể ra,
Dám đâu thêu dệt, dám là khoe khoang.
Lời quê tiếng tục ngang tàng³³,
Giải khuây có chút can tràng ngâm nga.

*** NVS chép y theo nguyên văn bản Trương Vĩnh Ký, Nhà in Guillard et Matinon, Saigon, 1882, 11 trang mới may mắn được thấy mặt tháng 10/06 vừa rồi. Các chú thích ở đây là của NVS, các chú thích của TVK sẽ được thêm vào ở một dịp khác.

Charlottesville, Virginia, cuối tháng 12, 2006.

NVS

²⁵ Sửa bò.

²⁶ Trà thơm.

²⁷ ?

²⁸ Đậu phộng.

²⁹ Chấu đậu.

³⁰ Chè hột sen.

³¹ Bồng-dinh: Bồng Lai.

³² Phần cuối bài cho thấy tâm lý sợ sệt của dân thời đó.

³³ Tự khiêm nói rằng mình viết không trau chuốt.